

Bản án số: 115/2025/DS-PT  
Ngày: 13-02-2025  
V/v “Tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Đinh Tiền P

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 679/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 704/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: Số 36/8, đường 16, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Hồng N:**

1. Bà Nguyễn Thị Hải H, sinh năm: 1977;

Địa chỉ thường trú: 330/21 Đ, Phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: 6/26, Đường 20, khu phố 4, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1968;

Địa chỉ thường trú: A21a, C5 Đ, phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2024).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1984;
2. Ông Lê Thanh P, sinh năm 1977;

*Người đại diện hợp pháp của ông Lê Thanh P:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 05-7-2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Hữu Ng, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: Số 36/8, đường 16, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Hữu Ng:*

1. Bà Nguyễn Thị Hải H, sinh năm 1977;

Địa chỉ thường trú: 330/21 Đ, Phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1968;

Địa chỉ thường trú: A21a, C5 Đ, phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2024).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị L – Bị đơn.

*(Ông T và bà L có mặt tại phiên tòa).*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N do bà Nguyễn Thị Hải H và ông Nguyễn Tấn T đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Vào ngày 04-01-2024 vợ chồng bà Trần Thị L và ông Lê Thanh P có vay của bà Lê Thị Hồng N số tiền 4.964.000.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm sáu mươi bốn triệu đồng), thời hạn vay là 01 (một) năm, mức lãi suất 1,5%/tháng, mục đích vay để kinh doanh, khi vay hai bên có ký hợp đồng vay tiền. Trong hợp đồng vay tiền ghi rõ nếu bà L, ông P vi phạm trả lãi từ 03 (ba) tháng trở lên thì bà N có quyền yêu cầu thanh toán số nợ gốc và lãi suất. Từ khi đến ngày khởi kiện đã quá thời gian 03 (ba) tháng nhưng bà L, ông P không trả bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào cho bà N.

Nay bà H và ông T tiếp tục nhận ủy quyền của bà N, mọi quyết định của bà H, ông T đều là quyết định của bà N và xác định bà N yêu cầu bà Trần Thị L, ông

Lê Thanh P liên đới trả cho bà N số tiền gốc là 4.964.000.000 và tiền lãi tính lãi từ ngày 04-01-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,5%/tháng.

*Bị đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Bà thừa nhận trước đây có vay của bà Lê Thị Hồng N hai lần tổng cộng số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng (Lần đầu 2.000.000.000 đồng + lần sau 1.000.000.000 đồng). Sau đó do không có tiền trả nợ nên đến ngày 04-01-2024 hai bên tính toán nợ gốc và lãi suất thì bà có ký hợp đồng vay tiền với bà Lê Thị Hồng N số tiền 4.964.000.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm sáu mươi bốn triệu đồng) chứ thực tế vợ chồng bà chỉ thiếu nợ số tiền 3.000.000.000 đồng. Việc bà Lê Thị Hồng N cộng dồn gốc vào lãi thì bà không có chứng cứ tài liệu chứng minh. Nay bà đồng ý liên đới với chồng là ông Lê Thanh P trả cho bà Lê Thị Hồng N tổng số tiền gốc và lãi là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), trong đó 3.000.000.000 đồng là tiền gốc, 1.000.000.000 đồng là tiền lãi và bà xin bà Lê Thị Hồng N cho vợ chồng bà trả dần và giảm lãi cho bà.

*Bị đơn ông Lê Thanh P vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu Ng thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng các điều 280, 288, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 17, 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N đối với bà Trần Thị L, ông Lê Thanh P về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị L, ông Lê Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Hồng N số tiền gốc là 4.964.000.000 đồng và tiền lãi là 613.054.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25-9-2024, bị đơn bà Trần Thị L kháng cáo chỉ đồng ý trả tiền gốc vay là 3.000.000.000 đồng và lãi suất tính theo quy định của pháp luật. Vì tiền lãi tính đến tháng 01/2024 là 1.964.000.000 đồng bà N đem nhập vào vốn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bà L trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng vay tiền ngày 04-01-2024 bà Lê Thị Hồng N cho bà Trần Thị L vay 4.964.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh, bà L có ký tên. Bà L cho rằng bà chỉ vay 3.000.000.000 đồng, còn 1.964.000.000 đồng là tiền lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bà L và ông P là vợ chồng nên bản án sơ thẩm buộc bà Trần Thị L, ông Lê Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Hồng N số tiền gốc là 4.964.000.000 đồng và tiền lãi là 613.054.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà L kháng cáo chỉ đồng ý trả tiền gốc vay là 3.000.000.000 đồng và lãi suất tính theo quy định của pháp luật.

[2] Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L, ông Lê Thanh P liên đới trả cho bà N số tiền gốc 4.964.000.000 đồng và tiền lãi tính lãi từ ngày 04-01-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,5%/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Thấy rằng, tại “Hợp đồng vay tiền” ngày 04-01-2024 có nội dung: bà Lê Thị Hồng N có cho bà Trần Thị L vay số tiền 4.964.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất vay 1,5%/tháng, mục đích vay kinh doanh; nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi từ 03 tháng trở lên thì bên cho vay có quyền yêu cầu thanh toán và phải trả ngay cho bên cho vay tổng số tiền lãi và nợ gốc. Bà L thừa nhận có ký tên vào hợp đồng vay.

[4] Bà L cho rằng thực tế chỉ vay 3.000.000.000 đồng tiền gốc, còn lại là tiền lãi nhưng bà không có chứng cứ chứng minh và bà N cũng không thừa nhận hợp đồng vay tiền gồm có tiền gốc và lãi nên lời trình bày của bà L là không có căn cứ chấp nhận. Do đến kỳ hạn trả lãi bà L chưa trả tiền lãi lần nào là đã vi phạm sự thỏa thuận trong hợp đồng nên bà N khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tiền lãi và lãi suất: Bà Lê Thị Hồng N yêu cầu lãi suất theo thỏa thuận là 1,5%/tháng tính từ ngày 04/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền gốc là 4.964.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà N yêu cầu lãi suất từ ngày 04-01-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tình từ ngày 04/01/2024 đến ngày 11/9/2024 là không chính xác vì ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12/9/2024. Nhưng bà N không

có kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bà N cũng đồng ý theo bản án sơ thẩm là tính lãi từ ngày 04-01-2024 đến ngày 11-9-2024 là 08 tháng 07 ngày thành tiền là 613.054.000 đồng nên không cần sửa bản án sơ thẩm.

[6] Đối với ông P: trong hợp đồng vay tiền có ghi tên người vay là ông Lê Thanh P. Mặc dù ông P không ký tên nhưng ông P, bà L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, mục đích vay tiền để kinh doanh nên ông P phải có nghĩa vụ liên đới với bà L trả nợ theo yêu cầu của bà N là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 17 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N. Buộc bà Trần Thị L, ông Lê Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Hồng N số tiền gốc là 4.964.000.000 đồng và tiền lãi là 613.054.000 đồng là có căn cứ. Bà L kháng cáo chỉ đồng ý trả tiền gốc vay là 3.000.000.000 đồng và lãi suất tính theo quy định của pháp luật là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L là có căn cứ.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị L;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng;

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng các điều 280, 288, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 17, 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N đối với bà Trần Thị L, ông Lê Thanh P về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị L, ông Lê Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Hồng N số tiền gốc là 4.964.000.000 đồng và tiền lãi là 613.054.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị L, ông Lê Thanh P phải liên đới chịu 113.577.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Hồng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.600.000 đồng theo biên lai thu số 0002096 ngày 28-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Khấu trừ số tiền 300.000 đồng bà L đã nộp tạm án phí phúc thẩm theo biên lai số 0002163 ngày 25-9-2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hưng để thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Hưng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thu**